

Bản án số: 01/2020/DS-PT

Ngày: 07/01/2020

“V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Hồng Ánh
2/ Ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2019, ngày 03/01/2020 và ngày 07/01/ 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLPT- DS ngày 04/12/2019, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST, ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo, kháng nghị và Quyết định giám đốc thẩm số: 64/2019/DS-GĐT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy toàn bộ Quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 58/2016/QĐ-PT ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐ-PT ngày 30/12/2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 02/01/2020, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Cụ **Vũ Văn T-** sinh năm 1931; Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Dương Thị H-** Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt khi xét xử - có đơn xin xét xử vắng mặt.

II. Bị đơn:

1/Ông **Vũ Văn V-** sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2/Ông **Vũ Văn Th-** sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3/Bà **Vũ Thị Tr-** sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 42, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

4/Bà **Vũ Thị T1**- sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 2, khu 5B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

5/Bà **Vũ Thị H1**- sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 1, khu 9B, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà **Lê Thị L**- sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2/Bà **Vũ Thị N**- sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3/Anh **Nguyễn Thê M**- sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 9, khu 7, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

4/Anh **Nguyễn Quang C**- sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 3, khu Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

5/Anh **Nguyễn Quang Th1**- sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 3, khu Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6/Chị **Nguyễn Thị H3**- sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 2, khu 4, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

7/Anh **Vũ Xuân T2**- sinh ngày 24/11/1998; Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn cụ Vũ Văn T, bị đơn ông Vũ Văn V và bà Vũ Thị Tr.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2015, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ Vũ Văn T trình bày:

Cụ Vũ Văn T và cụ Nguyễn Thị Ch chung sống với nhau và sinh được 07 (bảy) người con, gồm: Vũ Văn V, Vũ Văn Th, Vũ Văn D, Vũ Thị B, Vũ Thị Tr, Vũ Thị T1 và Vũ Thị H1. Bà B chết năm 2002, có bốn người con là Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thê M, Nguyễn Quang Th1, Nguyễn Quang C. Ông D chết năm 2003, có vợ là Nguyễn Thị T3 và 01 (một) con trai là Vũ Xuân T. Đến năm 2008 cụ Nguyễn Thị Ch chết, không để lại di chúc. Tài sản để lại gồm: 01 (một) căn nhà hai tầng có hai ô riêng biệt (số 64, 66), mỗi ô rộng khoảng hơn 40m², tổng diện tích hai ô là 87,36m² và 01 (một) ngôi nhà tạm 02 tầng, phía sau nhà số 64, 66, nhà tạm này để làm phòng trọ cho thuê. Hai ô nhà phía trước, ông V ở ô nhà số 64, ông Th ở ô nhà số 66. Tổng diện tích nhà và đất 213,3m², vị trí tại: Tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Qua nhiều lần gia đình họp chia tài sản thừa kế do cụ Ch để lại nhưng không có kết quả. Do vậy, cụ T đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế là nhà và đất nêu trên theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn: Ông Vũ Văn V, ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Tr, bà Vũ Thị T1 và bà Vũ Thị H1 trình bày và xác nhận quan hệ gia đình như cụ T đã khai. Cụ T và cụ Ch có khối tài sản là: 01 (một) căn nhà hai tầng có hai ô riêng biệt (số 64, 66), mỗi ô rộng khoảng hơn 40m², tổng diện tích hai ô là 87,36m² và 01 (một) ngôi nhà tạm 02 tầng, phía sau nhà số 64,

66, nhà tạm này để làm phòng trọ cho thuê. Ngoài ra, khi cụ Ch chết còn để lại cho cụ T quản lý 10 cây vàng, tiền tiết kiệm là 145.000.000 đồng và thời gian gần đây, do nhà hàng Lầu Dê Nhất Ly bên cạnh xây dựng có làm nứt tường nhà thuộc ô số 70 nên chủ nhà hàng đã bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này hiện đang do cụ T quản lý. Nay cụ Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế nhà và đất nêu trên, các bị đơn có quan điểm như sau:

- Ông Vũ Văn V hiện nay đang quản lý, sử dụng nhà và đất tại ô số 64, ông đề nghị được nhận nhà và đất này và sẽ thanh toán cho cụ T số tiền 400.000.000^d (Bốn trăm triệu đồng) để cụ T hưởng tuổi già. Khi cụ Ch chết có để lại vàng và tiền cho cụ T quản lý hay không thì ông không được biết nên không có yêu cầu đề nghị gì về số tài sản này. Cụ T hiện đang quản lý số tiền 100.000.000 đồng do chủ nhà hàng Lầu Dê Nhất Ly bồi thường, ông cũng không có ý kiến gì về số tiền này.

- Bà Vũ Thị Tr có quan điểm: Cụ T yêu cầu chia tài sản thừa kế nhà và đất nêu trên, bà đề nghị nhà và đất này tiếp tục để ông V và ông Th quản lý, sử dụng. Ông V, ông Th có trách nhiệm thanh toán tiền cho cụ T. Về số vàng và tiền khi cụ Ch chết để lại cho cụ T quản lý, hiện cụ T đã sử dụng hết nên bà không có ý kiến đề nghị gì về tài sản này. Bà không có ý kiến, đề nghị gì về số tiền 100.000.000 đồng do chủ nhà hàng Lầu Dê Nhất Ly bồi thường mà hiện nay cụ T đang quản lý.

- Bà Vũ Thị H1 có quan điểm: Nếu cụ T để lại toàn bộ tài sản nhà và đất nêu trên cho ông V, ông Th. Ông V, ông Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền 700.000.000^d (Bảy trăm triệu đồng) cho cụ T thì bà không yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế tài sản do cụ Ch chết để lại.

- Ông Vũ Văn Th không đồng ý chia tài sản thừa kế. Ông Th hiện nay đang quản lý, sử dụng nhà và đất tại ô số 66, ông đề nghị được nhận nhà và đất này và sẽ thanh toán cho cụ T số tiền 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng), cụ T phải giao toàn bộ giấy tờ nhà đất cho các con để làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Đến nay, ông yêu cầu chia tất cả khối tài sản nhà, đất, tiền, vàng và số tiền 100.000.000 đồng bồi thường đã nêu trên theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong khối tài sản chung của cụ T và cụ Ch thì ông cũng có phần đóng góp công sức khai phá, tôn tạo khối tài sản chung này. Nên ông yêu cầu tính công sức đóng góp của ông bằng 01 phần trong giá trị khối tài sản chung của cụ T và cụ Ch.

- Bà Vũ Thị T1 có quan điểm: Bà yêu cầu chia toàn bộ khối tài sản nhà, đất, tiền, vàng và số tiền 100.000.000 đồng bồi thường đã nêu trên theo pháp luật. Trong khối tài sản chung của cụ T và cụ Ch thì bà cũng có phần đóng góp công sức khai phá, tôn tạo, xây dựng khối tài sản chung này. Nên bà yêu cầu tính công sức đóng góp của bà bằng 01 phần trong giá trị khối tài sản chung của cụ T và cụ Ch. Ngoài ra, bà còn gửi cụ T giữ hộ 06 cây vàng nhưng cụ T không trả cho bà, bà yêu cầu cụ T phải trả lại cho bà số vàng này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Thế M, anh Nguyễn Quang C và anh Nguyễn Quang Th1 có quan điểm: Việc cụ Vũ Văn T khởi kiện chia thừa kế tài sản là nhà và đất do cụ Ch chết để lại, các anh, chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa

án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các anh, chị đề nghị được nhận phần giá trị tài sản mà mình được hưởng thừa kế bằng tiền VNĐ.

- Anh Vũ Xuân T2 (là cháu nội của cụ Vũ Văn T) có lời trình bày thể hiện: Anh là con chung của bố Vũ Văn D và mẹ Nguyễn Thị T3, năm 2003 bố D bị bệnh và qua đời (bố D là con của cụ Vũ Văn T và cụ Nguyễn Thị Chính). Nay cụ Vũ Văn T khởi kiện chia thừa kế tài sản là nhà và đất do cụ Ch chết để lại, anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh đề nghị được nhận phần giá trị tài sản mà mình được hưởng thừa kế bằng tiền VNĐ.

- Bà Vũ Thị N (là con dâu của cụ T) có quan điểm: Bà là vợ của ông Vũ Văn Th, bà và ông Th được cụ Vũ Văn T và cụ Nguyễn Thị Ch cho ở căn nhà số 66, thuộc tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H. Quá trình ở tại ngôi nhà trên, vợ chồng bà có công sức đóng góp tiền bạc để sửa chữa, tu bổ căn nhà này. Tuy nhiên việc sửa chữa tu bổ căn nhà này là phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình, nay cụ T khởi kiện chia thừa kế, bà không yêu cầu tính công sức đóng góp. Bà đề nghị vợ chồng bà được tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu nhà và đất tại số 66, thuộc tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H và có trách nhiệm thanh toán cho cụ T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Bà Lê Thị L là vợ của ông Vũ Văn V (là con dâu của cụ T) có quan điểm trình bày: Bà và ông V ở nhà số 64, thuộc tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H. Quá trình ở tại ngôi nhà thì ông, bà có bỏ ra số tiền 40.000.000 đồng để tu bổ, sửa chữa ngôi nhà. Số tiền này bà bỏ ra để tu bổ nhà, phục vụ đời sống của vợ chồng, ông, bà không có yêu cầu phải tính vào phần tài sản thừa kế để thanh toán lại cho bà, bà không yêu cầu tính công sức đóng góp tu bổ căn nhà. Bà đề nghị vợ chồng bà được tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu nhà, đất tại số 64, thuộc tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H và có trách nhiệm thanh toán cho cụ T số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST, ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, xử: Áp dụng: Điều 25, Điều 131; khoản 2 Điều 199 và Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 305, 674, 675, 676 và 677 - Bộ luật dân sự; Điều 26- Luật Thi hành án dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Vũ Văn T tại thửa đất số 6A, tờ bản đồ số 7- Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997, thuộc tổ 1, khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Giao cho ông Vũ Văn V được sở hữu ô nhà số 64 và sử dụng thửa đất ô nhà số 64 có diện tích đất là 83,0m² (trong đó có 43,68m² đất có trong Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà số 12 ND, ngày 02/3/1990; 39,32m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), thửa đất có ô nhà số 64 cắt thẳng xuống tiếp giáp với ô số 70, được giới hạn bởi các điểm 7,8,9,10,11,12,13,14,18 (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá tài sản nhà và đất tại ô số 64 là 2.586.857.600 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng). Ông

Vũ Văn V có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Giao cho ông Vũ Văn Th được sở hữu ô nhà số 66 và sử dụng thửa đất ô nhà số 66 có diện tích đất là 71,9m² (trong đó có 43,68m² đất có trong Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà số 12 ND, ngày 02/3/1990; 28,22m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), thửa đất có ô nhà số 66 cắt thẳng xuống tiếp giáp với ô số 70, được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,7,17,18 (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá tài sản nhà và đất tại ô số 64 là 2.586.857.600 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng). Ông Vũ Văn Th có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Giao cho cụ Vũ Văn T sở hữu, sử dụng nhà tạm hai tầng ô số 70 (phía sau ô nhà số 64, 66) và tạm giao cho cụ Tsử dụng đất có diện tích 58,4m², toàn bộ diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất tiếp giáp với ô nhà số 64, 66, có ngõ đi vào chiều rộng 01m, được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,15,16,17 (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá nhà tạm này là 279.260.480^d (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Cụ Vũ Văn T có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Vũ Văn V và ông Vũ Văn Th phải có nghĩa vụ thanh toán tài sản cho cụ Vũ Văn T và các đồng thừa kế, cụ thể: Thanh toán cho cụ Vũ Văn T số tiền: 2.397.227.440 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho cụ Tsố tiền 1.198.613.720 đồng; thanh toán cho bà Vũ Thị T1 số tiền 396.641.131 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho bà T1 số tiền 198.320.565 đồng; thanh toán cho bà Vũ Thị H1 số tiền 396.641.131 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho bà Hồng số tiền 198.320.565 đồng; thanh toán cho bà Vũ Thị Tr số tiền 396.641.131 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho bà Trung số tiền 198.320.565 đồng; thanh toán cho anh Vũ Xuân T2 (có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị T3) số tiền 396.641.131 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho cháu Toàn số tiền 198.320.565 đồng; thanh toán cho chị Nguyễn Thị H3 số tiền 99.160.282 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho chị H3 số tiền 49.580.141 đồng; thanh toán cho anh Nguyễn Thế M số tiền 99.160.282 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho anh Mạnh số tiền 49.580.141 đồng; thanh toán cho anh Nguyễn Quang Th1 số tiền 99.160.282 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho anh Th1 số tiền 49.580.141 đồng; thanh toán cho anh Nguyễn Quang C số tiền 99.160.282 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán cho anh C số tiền 49.580.141 đồng; .

2. Về án phí: Nguyên đơn cụ Vũ Văn T phải nộp 87.529.758^d (Tám mươi bảy triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 36.000.000^d (Ba mươi sáu triệu đồng) cụ T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009540 ngày

17/9/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Cụ T còn phải nộp tiếp 51.529.758^d (Năm mươi một triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Tr, ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Vũ Xuân T2 (có người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị T3), mỗi người phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là: 19.832.056^d (Mười chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm năm sáu đồng); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Thế M, anh Nguyễn Quang Th1 và anh Nguyễn Quang C, mỗi người phải nộp số tiền 4.958.014^d (Bốn triệu chín trăm năm mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 21/6/2016, nguyên đơn cụ Vũ Văn T kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật, cụ thể: Cụ yêu cầu được chia nhà và đất gắn liền với nhà số 66 và thửa đất phía sau gian nhà số 66 (thuộc ½ thửa đất số 70), giao cho cụ 100.000.000đ tiền bồi thường để cụ sửa chữa nhà, cụ chỉ nhận ½ nhà và đất trong khối tài sản chung của vợ chồng, phần còn lại chia đều cho các con.

Ngày 23 và ngày 24/6/2016, bị đơn ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Tr kháng cáo về các nội dung: Không được chia di sản cho cháu Vũ Văn Toàn do mẹ cháu Toàn không có đăng ký kết hôn với ông D và yêu cầu xem xét công sức của các ông, bà trong khối tài sản chung của cụ T cụ Ch.

Ngày 16/6/2016, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm với các nội dung: Án sơ thẩm chỉ áp dụng điều luật chia thừa kế không áp dụng quy định chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; buộc cụ T chịu án phí cả phần chia tài sản chung; định giá chỉ định giá phần đất ở, chưa định giá phần vượt quá do khai hoang từ năm 1964... đề nghị xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm, để đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ngày 04/11/2016, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Cụ T đồng ý để lại ½ số tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Ch và kỷ phần thừa kế của cụ được hưởng cho vợ chồng ông V, bà L và vợ chồng ông Th, bà N. Vợ chồng ông V và vợ chồng ông Th có trách nhiệm thanh toán cho cụ T 800.000.000đ, cụ T có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ngày 02/3/1990 cho ông V và ông Th. Cụ Vũ Văn T đã giao giấy chứng nhận; Ông V, ông Th, bà Tr, bà T1, bà H1 đã giao tiền và cụ T nhận tiền ngày 04/11/2016. Hội đồng xét xử lập biên bản với nội dung trên. Cụ T rút đơn khởi kiện, các đương sự đồng ý. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ra Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Sau khi thanh toán tiền cho cụ T, các con của cụ T đã phân chia di sản tại Phòng công chứng số 1 và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không thực hiện được, nên ngày 17/8/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã báo cáo và kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị theo thủ tục Giám

độc thẩm Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 58/2016/QĐ-PT ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 19/7/2019, tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2019/KNGĐT-DS của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định số 58/2016/QĐ-PT ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 58/2016/QĐ-PT ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật và tạm đình chỉ thi hành quyết định nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 64/2019/DS-GĐT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy toàn bộ Quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 58/2016/QĐ-PT ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và thay đổi nội dung đã thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 và yêu cầu được chia nhà; các bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 285, 286, Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự; một số bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do vi phạm Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Sau phiên tòa phúc thẩm ngày 09/02/2018 các ông bà Th, V, Tr, H, T1 đã đến Phòng công chứng số 1 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và xác lập tài sản, thể hiện diện tích thực tế thửa đất đương sự tranh chấp đã thay đổi, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Hạ Long xác nhận ngày 24/6/2017 có diện tích 320,6m², văn bản này vẫn đang tồn tại. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của đương sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đây thuộc vụ án dân sự “*Tranh chấp chia thừa kế*” và đã xác định đúng tư cách đương sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/11/2016, các bên đương sự thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án, biên bản thỏa thuận có sự tham gia của HĐXX phúc thẩm và đại diện Viện kiểm sát nhân dân, với nội dung: Cụ T đồng ý để lại $\frac{1}{2}$ số tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Ch và ký phân thừa kế cụ được hưởng cho vợ chồng ông V, bà L và vợ chồng ông Th, bà N. Vợ chồng ông V và vợ chồng ông Th có trách nhiệm thanh toán cho cụ T 800.000.000 đồng, cụ T có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông V và ông Th. Các bên đã thực hiện việc giao nhận tiền và giấy tờ, cụ T xin rút đơn khởi kiện, các bị đơn đồng ý nên HĐXX đã áp dụng Điều 299 Bộ luật Tố tụng Dân sự ban hành Quyết định số 58/2016/QĐ-PT: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố Hạ Long và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Sau đó, ngày 09/02/2018 ông V, ông Th, ông Tr, bà T1, bà H, bà N (vợ ông Th), bà L (vợ ông V) đến Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và xác lập tài sản, chia di sản của cụ Ch thành 05 phần bằng nhau. Tuy nhiên, khi các bên đương sự tiến hành làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ T có ý kiến nên không thực hiện được nên ngày 17/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã báo cáo và kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm và ngày 16/10/2019, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 58/2016/QĐ-PT ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại các phiên tòa phúc thẩm ngày 30/12/2019, ngày 03/01/2020, ngày 07/01/2020, cụ T liên tục thay đổi quan điểm và đề nghị chia thừa kế cho cụ một gian nhà để ở, cụ sẽ trả lại tiền cho ông V, ông Th. Do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và giữ nguyên nội dung kháng cáo nên cấp phúc thẩm xét kháng cáo của các đương sự.

- Kháng cáo của cụ Tề: Cụ T không đồng ý với việc phân chia tài sản của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chia cho cụ nhà, đất ở ô 66 và $\frac{1}{2}$ ô số 70 và không chia số tiền 100.000.000 đồng, giao cho cụ được sử dụng số tiền trên. Về số tiền 100.000.000 đồng nhà hàng Nhất Ly bồi thường do khi xây dựng làm nứt nhà ở ô số 70 là tài sản chung của cụ và cụ Ch, nên số tiền này được xác định là tài sản chung và chia theo quy định. Về ô nhà số 66 hiện do ông Th quản lý sử dụng liên tục trong thời gian dài. Quá trình sử dụng ông Th có tu bổ, sửa chữa xây các công trình phụ trợ và có nhu cầu được tiếp tục sử dụng, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự bản án sơ thẩm đã tuyên giao quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ô số 66

cho ông Th, có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho cụ T và các đồng thừa kế là phù hợp. Kháng cáo của cụ T không có căn cứ chấp nhận.

- Kháng cáo của ông V không đồng ý chia thừa kế cho anh T2; điều kiện khó khăn chỉ đồng ý cùng ông Th đưa cho ông T 700.000.000 đồng. Ông D và bà B là con của cụ T và cụ Ch và đều chết trước cụ Ch. Do đó các con của ông D và bà B được hưởng phần di sản mà cha mẹ các cháu được hưởng. Ông D và bà T3 tuy không đăng ký kết hôn nhưng có con chung là anh T2. Bản án sơ thẩm tuyên anh T2 được hưởng thừa kế là có căn cứ theo quy định tại Điều 677 BLDS. Ông V và ông Th được sở hữu nhà và sử dụng đất tại ô 64, 66 có giá trị vượt quá phần giá trị tài sản các ông được hưởng thừa kế theo kỹ phần nên phải thanh toán tiền chênh lệch cho cụ T và các đồng thừa kế khác. Do đó, kháng cáo của ông V không có căn cứ chấp nhận.

- Kháng cáo của bà Tr cho rằng di sản của cụ Ch để lại còn có tiền và vàng. Tuy nhiên bà Tr không đưa ra được căn cứ chứng minh. Về nội dung bà không được chia đất mà chỉ được chia bằng tiền vì số lượng nhà đất không thể chia đều cho các đồng thừa kế, ông Th và ông V đã quản lý sử dụng ô số 64, 66 nên bản án sơ thẩm đã tuyên bà được hưởng di sản bằng tiền là phù hợp.

[3] Văn bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tước bỏ quyền lợi của những người thừa kế thế vị gồm các anh Nguyễn Thế M, Nguyễn Quang C, Nguyễn Quang Th1, chị Nguyễn Thị H3 là con đẻ của bà Vũ Thị B (đã chết) và anh Vũ Xuân T2 là con đẻ của ông Vũ Văn D (đã chết) và văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và xác lập tài sản có sự tham gia của các ông, bà Vũ Văn V, Vũ Văn Th, Vũ Thị Tr, Vũ Thị T1, Vũ Thị H1 và được Văn phòng Công chứng số 1 công chứng ngày 09/02/2018. Văn bản này đã chia di sản của cụ Ch thành 05 phần bằng nhau nhưng không có sự tham gia của cụ T và con của bà B, ông D (đã chết), văn bản thỏa thuận này đã tước bỏ quyền lợi của những người thừa kế thế vị gồm các anh Nguyễn Thế M, Nguyễn Quang C, Nguyễn Quang Th1, chị Nguyễn Thị H3 là con đẻ của bà Vũ Thị B (đã chết) và anh Vũ Xuân T2 là con đẻ của ông Vũ Văn D (đã chết). Trong khi đó tại cấp sơ thẩm những người thừa kế thế vị này đều yêu cầu chia thừa kế bằng tiền. Đến nay không có ai yêu cầu hủy văn bản phân chia trên hoặc yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu văn bản phân chia trên. Do đó văn bản này hiện vẫn tồn tại. Như vậy, nếu cấp phúc thẩm chia thừa kế cho các đương sự thì sẽ tồn tại song song với bản án là văn bản thỏa thuận phân chia di sản và xác lập tài sản ngày 09/02/2018 của Phòng công chứng số 1.

[4] Mặt khác, về việc thu thập chứng cứ, cũng là nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát: Cấp sơ thẩm chưa định giá phần diện tích đất vượt quá giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà năm 1990, chỉ định giá đất ở diện tích $87,36m^2/213,3m^2$, diện tích còn lại do cụ T- cụ Ch khai hoang từ năm 1964 tuy không có giấy tờ nhưng đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013. Tòa án không định giá để chia thừa kế theo quy định là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi các đương sự. Mặt khác, UBND thành phố Hạ Long có văn bản số 5559, ngày 31/12/2014 xác định thời

điểm hai cụ T- Ch sử dụng đất từ năm 1964, nhưng khi xem xét chế độ chính sách cho người sử dụng đất, văn bản này lại áp dụng khoản 3 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013, quy định đối với người sử dụng đất sau ngày 18/12/1980 để xác định diện tích 125,94m² đất nằm ngoài giấy chứng nhận sở hữu nhà là đất trồng cây lâu năm là mâu thuẫn. Bản án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ mâu thuẫn này.

Hơn nữa, đo đạc thẩm định năm 2014 cấp sơ thẩm không đo đạc mà dùng số liệu đo đạc năm 2011 làm căn cứ giải quyết vụ án, trong khi đó năm 2017, đương sự đo đạc để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại văn bản phân chia di sản ngày 09/02/2018 thể hiện diện tích = 320,6 m² (tăng 107,3m²).

Bản án xác lập quyền sở hữu nhà hai tầng trên diện tích 58,4m² đất cho cụ T, nhưng không xác lập mà chỉ tạm giao quyền sử dụng đất cho cụ T là vi phạm khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013.

Về án phí: Cụ T chỉ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch, nên bản án sơ thẩm phải xác định phần tài sản của cụ Tề, cụ Ch. Cụ T không yêu cầu chia tài sản chung nhưng khi xác định quyền sở hữu cho cụ T bản án sơ thẩm lại buộc cụ T phải chịu án phí là trái quy định tại khoản 2 Điều 131 BLTTDS.

Vì các lý do trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần hủy bản án sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Số tiền 800.000.000đ, cụ T đã nhận ngày 04/11/2016 được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Dự án phí sơ thẩm cụ T nộp 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) được xác định lại khi giải quyết vụ án.

Kháng cáo của cụ T, ông V, bà Tr không được chấp nhận, nhưng bản án bị hủy, nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của cụ T, ông V, bà Tr đã nộp trả lại cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 97, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bác kháng cáo của cụ Vũ Văn T và các ông, bà Vũ Văn V và Vũ Thị Tr; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long;

Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 03/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Số tiền 800.000.000đ, cụ Vũ Văn T đã nhận ngày 04/11/2016 được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

2- Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, án phí phúc thẩm:

- Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) do cụ T nộp sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án.

- Về án phí phúc thẩm: Cụ Vũ Văn T, ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do cụ Tề, ông V, bà Tr đã nộp mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000836 ngày 29/6/2016 và số 0000733 và 0000735 ngày 01/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tp. Hạ Long;
- VKSND tp. Hạ Long;
- THADS tp. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

